

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1009 /VAMC-Ban3

V/v: Cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Các Doanh nghiệp thẩm định giá.

Công ty Quản lý tài sản (VAMC) xin gửi đến Quý doanh nghiệp lời chào trân trọng và hợp tác.

Để đáp ứng yêu cầu công việc, Công ty Quản lý tài sản (VAMC) đang lựa chọn đơn vị có kinh nghiệm và năng lực để thẩm định giá trị khoản nợ bao gồm tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản nợ nhằm mục đích làm cơ sở cho việc mua, bán và xử lý nợ (thông tin chi tiết khoản nợ và TSBĐ tại phụ lục đính kèm) theo quy định pháp luật hiện hành.

VAMC đề nghị Quý doanh nghiệp cung cấp báo giá cho dịch vụ thẩm định giá đối với khoản nợ nêu trên. Doanh nghiệp được chọn là doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng dịch vụ và có chi phí thấp hơn.

Bản báo giá và hồ sơ năng lực đề nghị quý doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc chuyển qua bưu điện đến Nguyễn Quang Ngọc - Ban Đầu tư và Mua bán nợ thị trường, Công ty Quản lý tài sản (VAMC) – Tầng 3, Nhà G, số 49 Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội; Điện thoại: 0942.555.959.

Hạn cuối nhận báo giá và hồ sơ năng lực đến 17h00 ngày 30.../11./2022.

Cảm ơn sự hợp tác của Quý doanh nghiệp. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HC-NS, Ban 3.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



  
Đoàn Văn Thắng

# PHỤ LỤC: THÔNG TIN KHOẢN NỢ VÀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

Kèm theo Thông báo số 1009/VAMC-Ban3 ngày 18. / 11/ (2022)

## I. Thông tin về dư nợ (thời điểm 31/10/2022):

Đơn vị: triệu đồng

| STT | HĐTD               | Ngày HĐTD  | Nợ gốc  | Lãi tính theo lãi suất thông thường | Lãi tính theo lãi suất quá hạn |
|-----|--------------------|------------|---------|-------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | 1440LAV201800693   | 26/06/2018 | 37.552  | 340                                 | 4                              |
| 2   | 1440LAV202100957   | 18/08/2021 | 34.993  | 506                                 | 57                             |
| 3   | 1303LAV201900042   | 16/01/2019 | 4.200   | 41                                  | 2                              |
| 4   | 1303LAV202000236   | 14/05/2020 | 44.973  | 2.387                               | 406                            |
| 5   | 1303LAV202001019   | 31/12/2020 | 24.993  | 739                                 | 309                            |
| 6   | 1506LAV202100197   | 04/03/2021 | 12.750  | 385                                 | 5                              |
| 7   | 1506LAV202100193   | 04/03/2021 | 54.044  | 4.819                               | 502                            |
| 8   | 1303LAV202100509   | 09/03/2021 | 79.992  | 7.719                               | 399                            |
| 9   | 1506LAV202100291   | 31/03/2021 | 41.434  | 1.805                               | 166                            |
| 10  | 1303LAV202000724   | 15/10/2020 | 79.574  | 8.267                               | 3                              |
| 11  | 1506-LAV-202000958 | 26/10/2020 | 49.987  | 2.345                               | 0                              |
|     |                    |            | 464.492 | 29.353                              | 1.853                          |

## II. Thông tin về tài sản:

| STT | Số GCN          | Địa chỉ                                                 | Số tờ, Số thửa                         | Mục đích               | Diện tích đất (SD Riêng, m2) | Diện tích sàn công trình xây dựng (m2) |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | CS_LB16075      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa 76-17 + 76-18, tờ bản đồ 2        | Đất ở & đất CLN        | 36,3                         | 145,3                                  |
| 2   | CS_LB16076      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa 76-16 + 76-18, tờ bản đồ 3        | Đất ở & đất CLN        | 35,1                         | 140,4                                  |
| 3   | CS_LB16094      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-4)-4 + (76-4)-11, tờ bản đồ 2 | Đất ở                  | 30                           |                                        |
| 4   | CS_LB16093      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-4)-5 + (76-4)-11, tờ bản đồ 2 | Đất ở                  | 30                           |                                        |
| 5   | CS_LB16090      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-4)-8 + (76-4)-11, tờ bản đồ 2 | Đất ở                  | 30,2                         |                                        |
| 6   | CS_LB16091      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-4)-7 + (76-4)-11, tờ bản đồ 2 | Đất ở                  | 30                           |                                        |
| 7   | CS_LB16092      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-4)-6 + (76-4)-11, tờ bản đồ 2 | Đất ở                  | 30                           |                                        |
| 8   | CS_LB16095      | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-4)-3 + (76-4)-11, tờ bản đồ 2 | Đất ở                  | 44                           |                                        |
| 9   | CI704884        | Tổ 24 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, HN           | Thửa (76-1 + 76-2)-11, tờ bản đồ 2     | Đất ở                  | 32,9                         | 131,6                                  |
| 10  | CS_BTL0364<br>9 | Tổ dân phố Trung 6, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm HN      | Thửa số 309; 311, Tờ bản đồ số 20      | Đất ở                  | 30                           | 150                                    |
| 11  | CS_BTL0364<br>8 | Tổ dân phố Trung 6, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm HN      | Thửa số 310; 311, Tờ bản đồ số 20      | Đất ở & Nhà ở          | 30                           | 150                                    |
| 12  | DA988171        | Số 5 dãy A1 KTT T379/QK2 Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm HN | Thửa số 12, Tờ bản đồ số 27            | Đất ở                  | 73,8                         |                                        |
| 13  | DA913846        | Bắc Cầu 1, phường Ngọc Thụy, Long Biên, HN              | Thửa số 216, Tờ bản đồ số 55           | Đất ở, Nhà ở & đất CLN | 296                          | 140                                    |
| 14  | AH236199        | Bắc Cầu 1, phường Ngọc Thụy, Long Biên, HN              | Thửa số 25-1, Tờ bản đồ số 31          | Đất ở & đất CLN        | 296                          |                                        |

010823  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
MỘT THÂN MỘT TÂM  
TỔ CHỨC VIÊN  
ĐÀN KIẾN

4

|    |            |                                                                          |                                                                                      |                                          |       |       |
|----|------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------|-------|
| 15 | CS_LB29417 | Tổ 37, phường Ngọc Thụy, Long Biên, HN                                   | Thửa số 214, Tờ bản đồ số 55                                                         | Đất ở                                    | 265   |       |
| 16 | CH294345   | Số 7 hẻm 58/63/10 Nguyễn Khánh Toàn, Quan Hoa, Cầu Giấy                  | Thửa số 11, Tờ bản đồ số 5                                                           | Đất ở                                    | 49,4  | 247   |
| 17 | CS55595    | Số 64 ngách 124/22 Âu Cơ, Yên Phụ, HN                                    | Thửa số 16, Tờ bản đồ số 9H-III-44                                                   | Đất ở & Nhà ở                            | 80    | 480   |
| 18 | CP786578   | Tổ 11 và tổ 12 cụm 2, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội               | Thửa số [99a + 97a + 97 + 116 + 118 (chung thừa)] + [06(1P)-1], Tờ bản đồ số 04 + 10 | Đất ở                                    | 97,6  |       |
| 19 | CH23554    | Tổ dân phố 24, phường Tân Thanh, Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên | Thửa số 206+207, Tờ bản đồ số 25                                                     | Đất ở & đất CLN                          | 639,3 |       |
| 20 | CH25917    | Tổ dân phố 24, phường Tân Thanh, Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên | Thửa số 228, Tờ bản đồ số 25                                                         | Đất ở & đất CLN                          | 45    |       |
| 21 | CT-DA00631 | Số 278 Phố Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Hà Nội                | -                                                                                    | Làm khu VP, Công trình phục vụ công cộng | 671   | 3.826 |
| 22 | CT 02564   | Xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định                             | Thửa số 24, Tờ bản đồ số 32                                                          | Đất NN & CTXD                            | 5.000 | 7.854 |



*[Handwritten signature]*